

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 13/2019/DS-ST
Ngày 17/9/ 2019
*V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Quân;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Nguyễn Văn Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/TLST-DS ngày 01/3/2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-DS ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Tống Hải H, sinh năm 1963; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ R’ T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông có mặt tại phiên tòa;

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Bon B D, xã Đ R’ T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông;

Bị đơn:

+ Lưu Thị Th, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn M, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt tại phiên tòa;

+ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1948; Địa chỉ: Bon A, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người được nguyên đơn ủy quyền trình bày:

Vào ngày 15/01/2009 ông Tống Hải H có cho ông Nguyễn Văn Th và bà

Lưu Thị Th vay số tiền là 185.000.000 đồng hạn trả nợ vào ngày 15/04/2009. Nhưng khi đến hạn trả nợ ông Tống Hải H có sang yêu cầu bà Th ông Th rất nhiều lần nhưng ông bà cứ khất lần khất lượt không chịu trả. Vì vậy, ông Tống Hải H khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức để buộc ông bà Th phải trả cho ông H số tiền là 185.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do bà Th và ông Th thỏa thuận giao toàn bộ tài sản cho bà Th quản lý, sử dụng đã được chứng thực tại UBND xã Q T ngày 06/9/2016 và trong biên bản thỏa thuận bà Th phải trả toàn bộ khoản nợ và trong quá trình giải quyết vụ án bà Lưu Thị T đồng ý trả nợ cho ông H toàn bộ số nợ này nên ông H đồng ý. Ông Tống Hải H yêu cầu bà Lưu Thị Th phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền là 185.000.000 đồng cho ông Tống Hải H. Tiền lãi suất: ông Huệ rút roàn bộ yêu cầu tính lãi suất.

Án phí: Do bà Th vi phạm nên bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến của bị đơn bà Lưu Thị Th trình bày: Vào ngày 15/01/2009 tôi và ông Th có vay của ông Tống Hải H số tiền là 185.000.000 đồng hạn trả nợ là vào ngày 15/04/2009 phải trả toàn bộ số nợ này. Tuy nhiên, trong quá trình làm ăn gặp nhiều khó khăn không trả đúng hạn cho ông H được. Ngày 06/9/2016 giữa tôi và ông Th có làm thỏa thuận chia tài sản, tôi là người quản lý toàn bộ tài sản chung giữa tôi và ông Th; tôi có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ. Nay ông H khởi kiện tôi và ông Th thì tôi xin có trách nhiệm trả cho ông H toàn bộ số tiền là 185.000.000 đồng. Nhưng hiện tại điều kiện khó khăn nên xin trả dần. Ông H rút lãi suất nên không có ý kiến gì. Ông Th đã giao tài sản cho tôi nên ông Th không liên quan gì đến khoản nợ phải trả này.

Ông Nguyễn Văn Th vắng mặt không lý do và Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt và niêm yết các thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Bà Lưu Thị Th phải trả số tiền là 185.000.000 đồng tiền gốc . Bị đơn bà Lưu Thị Th đồng ý trả nhưng xin trả dần, ông Nguyễn Văn Th vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 218 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Hải H. Buộc bà Lưu Thị Th có nghĩa vụ thanh toán số tiền 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) tiền gốc; Tiền lãi suất do người khởi kiện rút nên cần đình chỉ phần yêu cầu này.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm d khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lưu Thị Th theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc; Tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải với các bên đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn Th vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử vắng mặt đối với ông Th. Bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Lưu Thị Th cư trú tại xã Qu T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông

** Về quan hệ tranh chấp:*

Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng vay tài sản giữa ông H với ông bà Th Th; là Hợp đồng dân sự, tài sản cho vay là số tiền 185.000.000 đồng; Tại phiên tòa, ông H yêu cầu bà Th trả toàn bộ số nợ này và bà Th đồng ý nên cần buộc bà Th trả toàn bộ số tiền nợ này cho ông H.

** Về nội dung tranh chấp:*

Ngày 15/01/2009 ông H cho vợ chồng bà Lưu Thị Th và ông Nguyễn Văn Th vay số tiền 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 15/4/2009. Hai bên có làm giấy mượn tiền viết tay. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán bà Th và ông Th không thanh toán số tiền trên cho ông H. Nên ông H khởi kiện ông Th bà Th yêu cầu ông Th bà Th phải trả số tiền gốc. Ngày 06/9/2016 giữa bà Th và ông Th có làm thỏa thuận chia tài sản chung; bà Th là người quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung giữa bà Th và ông Th; bà Th có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ. Tại phiên tòa, Bà Th xin trả toàn bộ số nợ này cho ông H vì giữa bà Th và ông Th đã thỏa thuận theo biên bản chia tài sản trước đó. Ông H đồng ý để bà Th trả số nợ này. Nên cần xem xét sự lựa chọn thỏa thuận của các đương sự để buộc bà Th phải trả toàn bộ số tiền này cho ông H; còn

về lãi suất ông H rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất nên đình chỉ không xem xét giải quyết.

Nhận định của Hội đồng xét xử:

[1] Giữa ông H, ông Th và bà Th có thỏa thuận và viết giấy mượn tiền với nhau. Ông H đã giao đủ tiền cho ông bà Th Th. Quá trình thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng.

[2] Căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản (giấy mượn tiền) đề ngày 15/01/2009 thì ông Th bà Th có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền trên cho ông H vào ngày 15/4/2009.

[3] Đến thời hạn theo như giấy mượn tiền ngày 15/01/2009 ông H sang yêu cầu bà Th và ông Th thực hiện theo cam kết nhưng bà Th và ông Th cứ khất lần, khất lượt không chịu trả nên ông H làm đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu ông bà Th trả. Tại phiên tòa, ông H trình bày là giữa bà Th và ông Th đã thỏa thuận chia tài sản và giao toàn bộ tài sản chung giữa ông bà cho bà Th quản lý, sử dụng và trong biên bản thỏa thuận cũng nêu lên toàn bộ các khoản nợ do bà Th phải có trách nhiệm trả; bà Th cũng đồng ý về nội dung này và xin trả toàn bộ số tiền này cho ông H. Ông H đồng ý việc bà Th có trách nhiệm phải trả toàn bộ số nợ cho ông H; Ông H yêu cầu bà Th phải trả ngay, còn bà Th xin trả dần. Các bên thống nhất được số nợ, bị đơn bà Th trả nhưng không thống nhất được thời gian trả nên HĐXX cần xem xét buộc bà Lưu Thị Th phải trả.

[4] Còn trong giấy mượn tiền thể hiện các bên là người cho vay là ông Tống Hải H, bên vay ông Nguyễn Văn Th và bà Lưu Thị Th. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án; ông H và bà Th đã thống nhất được với nhau về số tiền trả, phù hợp với biên bản thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông Th và bà Th được lập ngày 06/9/2016 đã được chứng thực nên cần ghi nhận và buộc bà Th phải trả số tiền này.

[5] Do hết thời hiệu khởi kiện hợp đồng trên nên nguyên đơn chỉ khởi kiện bị đơn trả lại tài sản là quyền sở hữu của nguyên đơn là có căn cứ nên Tòa án xem xét và chấp nhận.

[6] Về lãi suất: ông H rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX cần đình chỉ phần yêu cầu này vì nguyên đơn đã rút.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Hải H, buộc bà Lưu Thị Th phải trả cho ông H số tiền gốc là 185.000.000 đồng,

[7] Về án phí: Buộc bà Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 9.250.000 đồng. Tại phiên tòa bà Th cung cấp cho HĐXX giấy xác nhận hộ nghèo nên cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lưu Thị Th với số tiền là 9.250.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tổng Hải H đối với bà Lưu Thị Th.

1. Buộc bà Lưu Thị Th phải trả số tiền là 185.000.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) cho ông Tổng Hải Huệ.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất chậm thi hành án. *(Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự).*

2. Về lãi suất: đình chỉ xét xử phần lãi suất do người khởi kiện rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lưu Thị Th với số tiền là 9.250.000 đồng(Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho ông Tổng Hải H số tiền là 4.625.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000682 ngày 01/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Quân